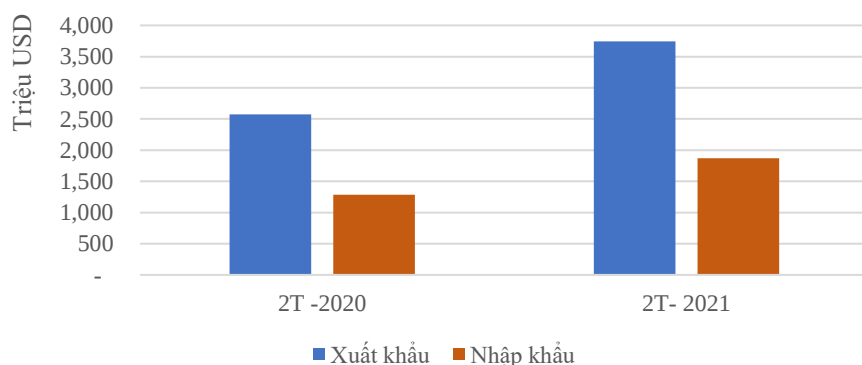


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ



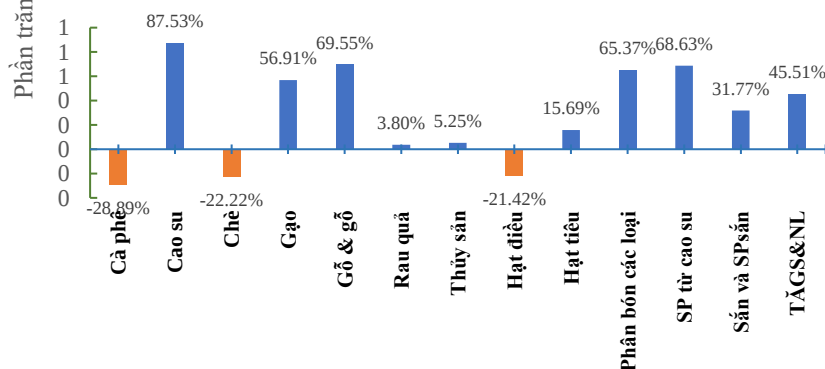
Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ
(2 tháng đầu 2021)

Xuất khẩu ▲ 45,5 %
Nhập Khẩu ▲ 45,5 %

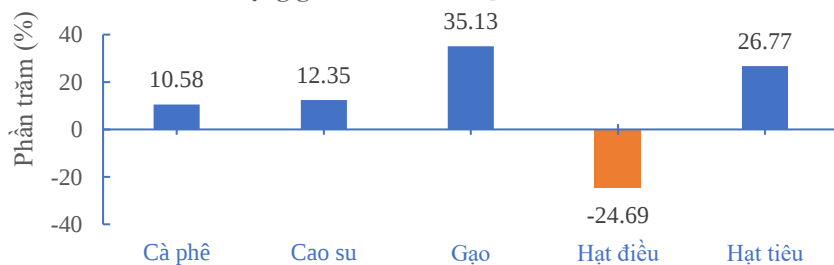
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính
Việt Nam sang Hoa Kỳ 2T-2021/20



So sánh T1- 2021/2020

Cà phê ▼ 28,89%
Cao su ▲ 87,53%
Chè ▼ 22,22%
Gạo ▲ 56,91%
Gỗ và SP Gỗ ▲ 69,55%
Rau quả ▲ 3,80%
Thủy sản ▲ 5,25%
Hạt điều ▼ 21,42%
Hạt tiêu ▲ 15,69%
Mây tre đan ▲ 65,37%
SP từ cao su ▲ 68,63%
TĂGS và NL ▲ 45,51%

Biến động giá xuất khẩu BQ T2/2021 - 2020



So sánh giá xuất khẩu
BQ T1-2021/2020

Cà phê ▲ 10,58%
Cao su ▲ 12,35%
Gạo ▲ 35,13%
Hạt điều ▼ 24,69%
Hạt tiêu ▲ 26,77%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Kinh tế Việt Nam đang tăng trưởng trở lại. Số liệu từ cơ quan thống kê mới đây cho thấy, GDP quý I của Việt Nam đã tăng 4,48% so với cùng kỳ năm ngoái. Sự phục hồi này được thúc đẩy nhờ vào xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ, tăng gần 20% trong tháng 3. Theo Tổng cục Thống kê, trong quý I/2021, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 21,2 tỷ USD, tăng 32,8% so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam cũng nổi lên như thị trường hưởng lợi từ căng thẳng thương mại Mỹ-Trung khi hàng loạt chuỗi cung ứng xem đây là bến đỗ hợp lý sau khi rời khỏi Trung Quốc. Dù đánh giá các lợi ích này là ngắn hạn, Wall Street Journal cho rằng hoạt động xuất khẩu sang Mỹ của Việt Nam vẫn ở mức cao trong một thời gian. Việc Mỹ được dự báo tăng trưởng 6,5% trong 2021 sẽ giữ nhu cầu nhập khẩu của nước này tăng mạnh, thúc đẩy các công ty Việt Nam tập trung xuất khẩu. Việt Nam cũng có thể là một trong số những nước được hưởng lợi khi Mỹ thông qua gói kích thích kinh tế mới nhất, hỗ trợ tiêu dùng. Theo Wall Street Journal, Việt Nam dù tham gia sâu vào thương mại toàn cầu với độ mở kinh tế thuộc nhóm lớn nhất thế giới, gần 200% GDP, ít bị ảnh hưởng bởi tác động của Covid-19. Trong khi đó, các quốc gia khác trong khu vực có thể phải cần nhiều thời gian hơn để phục hồi hoàn toàn các thiệt hại kinh tế phát sinh do dịch bệnh.

Tuy nhiên, trong tháng 2/2021, xuất khẩu NLTS Việt Nam sang Mỹ giảm tương đối nhiều so với tháng trước đó nhưng tăng so với cùng kỳ năm trước. Tổng xuất khẩu NLTS sang thị trường này trong tháng 2/2021 đạt gần 1,52 tỷ USD, giảm 32,07% so với tháng 1/2021, và tăng 19,65% so với cùng kỳ tháng 2/2020. Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Mỹ vẫn là thức ăn gia súc và nguyên liệu (chiếm 50%), gỗ và sản phẩm gỗ (chiếm 36,11%), thủy sản (chiếm 5,24%), hạt điều (2,24%), các mặt hàng nông sản khác như cao su và các sản phẩm từ cao su, cà phê, phân bón... chiếm tỷ trọng không đáng kể, chỉ dưới 2%. So với tháng 1/2021, chỉ có chè là có kim ngạch xuất khẩu tăng, tới 66,32%, còn tất cả các nhóm sản phẩm NLTS khác đều cho thấy tín hiệu đi xuống, giảm nhiều là sắn và các sản phẩm từ sắn (-57,33%), điều (-47,83%), gỗ và các sản phẩm gỗ (-33,6%), cà phê (-32,45%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (-32,07%), các sản phẩm từ cao su (-29,92%), thủy sản (-27,71%), rau quả (-23,35%)... (chi tiết tại phụ lục).

Chuyên gia của Cục Kiểm dịch thực vật (APHIS) thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) vừa kết thúc chuyến kiểm tra thực địa Nhà máy chiếu xạ của Công ty TNHH Chiếu xạ Toàn Phát. Dự kiến, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chiếu xạ trái cây đi Mỹ sẽ được phía Mỹ cấp cho doanh nghiệp trong thời gian tới. Theo cam kết, từ 1/9/2021, Nhà máy chiếu xạ Toàn Phát bắt đầu chiếu xạ lô trái cây đầu tiên để xuất khẩu đi Mỹ. Tháng 9 chính là thời gian cao điểm về xuất khẩu nhiều loại trái cây tươi của Việt Nam đi Mỹ, còn hiện tại đang là thấp điểm, thị trường Mỹ đang có nguồn cung trái cây nội địa và một lượng lớn trái cây nhập từ các quốc gia Bắc Mỹ như Mexico, Canada. Theo kế hoạch, ngay sau khi hoạt động

chiếu xạ xuất khẩu trái cây tươi đi Mỹ đi vào guồng quay, Công ty TNHH Chiếu xạ Toàn Phát sẽ tiếp tục làm hồ sơ đăng ký chiếu xạ trái cây tươi xuất khẩu sang Australia, một thị trường đang nhập khẩu nhiều loại trái cây tươi Việt Nam như xoài, chôm chôm, vải thiều...

Giá thịt lợn tại Mỹ trong tăng liên tiếp trong tháng 3. Dịch tả lợn châu Phi ảnh hưởng lớn đến ngành thịt lợn của Trung Quốc, đây là cơ hội cho xuất khẩu thịt lợn của Mỹ. Theo báo cáo của USDA ngày 1/4/2021, xuất khẩu ròng thịt lợn của Mỹ trong tuần qua là 61.000 tấn (MT) - mức hàng tuần cao nhất trong năm, tăng 58% so với tuần trước đó và tăng 43% so với mức trung bình 4 tuần trước đó. Xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường: Trung Quốc (29.700 tấn, giảm 1.200 tấn), Mexico (15.800 tấn, giảm 500 tấn), Nhật Bản (4.600 tấn, giảm 200 tấn), Canada (3.700 tấn, giảm 400 tấn), và Australia (2.200 tấn, giảm 300 tấn). Xuất khẩu thịt lợn đông lạnh đạt mức cao nhất 40.400 tấn, tăng 5% so với tuần trước đó và tăng 2% so với mức trung bình 4 tuần trước. Xuất khẩu chủ yếu sang Trung Quốc (11.900 tấn), Mexico (9.900 tấn), Nhật Bản (5.200 tấn), Hàn Quốc (4.000 tấn) và Colombia (1.800 tấn).

Theo báo cáo của USDA, tổng nguồn cung thịt bò đông lạnh của Mỹ tháng 2/2021 tăng 3% so với tháng trước đó, nhưng giảm 12% so với cùng kỳ năm 2020. Nguồn cung thịt lợn đông lạnh tăng 7% so với tháng trước đó nhưng giảm 24% so với cùng kỳ. Dự trữ thịt lợn tăng 22% so với tháng trước nhưng giảm 49% so với năm ngoái.

Theo dự báo của ngân hàng Standard Charter, quan hệ Mỹ-Trung có thể được cải thiện trong thời gian tới, nhưng cũng cần khoảng 12-24 tháng. Theo ngân hàng này, Chính quyền của Tổng thống Biden có cách tiếp cận mềm mỏng hơn chính quyền tiền nhiệm trong hợp tác kinh tế với Trung Quốc, nhưng chưa thay đổi các chính sách của cựu Tổng thống Trump, đặc biệt là các lệnh áp thuế trong thời gian ngắn. Standard Chartered nhận định, Chính quyền Tổng thống Biden sẽ ít sử dụng biện pháp thao túng tiền tệ như một công cụ để gây sức ép lên các quốc gia khác. Wall Street Journal cho rằng hoạt động xuất khẩu sang Mỹ của Việt Nam vẫn ở mức cao trong một thời gian. Việc Mỹ được dự báo tăng trưởng 6,5% trong 2021 sẽ giữ nhu cầu nhập khẩu của nước này tăng mạnh, thúc đẩy các công ty Việt Nam tập trung xuất khẩu. Tuy nhiên, theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), đến hết năm nay Trung Quốc sẽ trở lại là khách hàng số 1 mua nông sản Mỹ. Tỷ trọng hàng nông sản Mỹ trong tổng gói nhập khẩu của Trung Quốc hiện chiếm khoảng 15%, giảm từ mức 25% so với khi thương chiến bắt đầu. Theo số liệu 2 tháng đầu năm, Trung Quốc đã nhập nông sản, thực phẩm và thủy sản từ Mỹ trị giá 8,7 tỷ USD, chỉ chiếm 77% kim ngạch cần thiết cho cùng chu kỳ để đạt tổng kim ngạch mục tiêu 43,6 tỷ USD cho cả năm 2021. Năm 2020, kim ngạch nhập khẩu nông sản Mỹ nói chung của Trung Quốc đạt 36,6 tỷ USD, chỉ bằng 2/3 mức cam kết. Theo dự báo của USDA, năm nay kim ngạch nhập khẩu nông sản Mỹ của Trung Quốc chỉ có thể đạt 31,5 tỷ USD, tức cứ 5 USD hàng nông sản xuất khẩu của Mỹ thì Trung Quốc góp 1 USD.

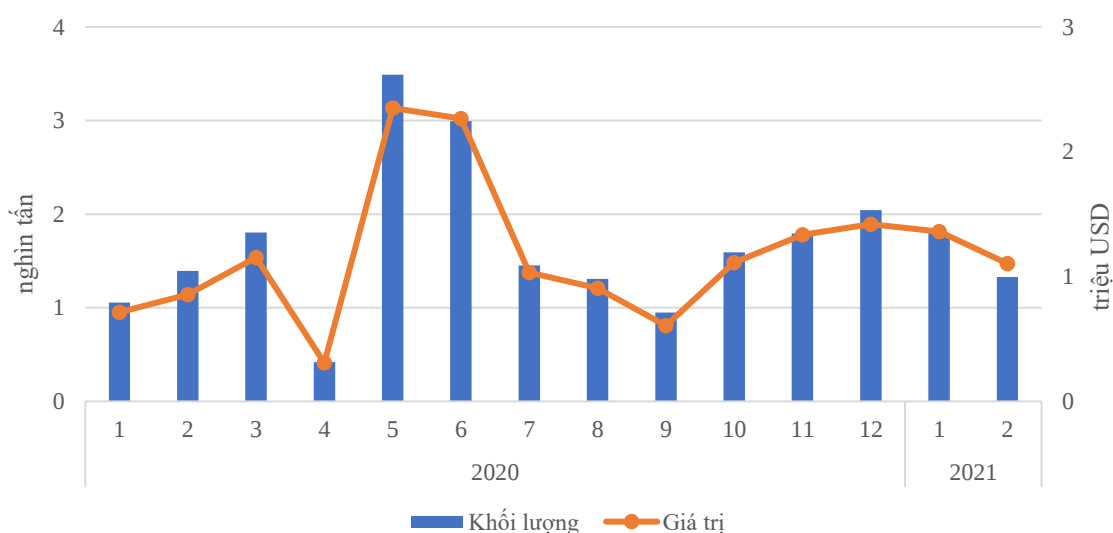
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 03/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hoa Kỳ trong năm 2021 tiếp tục được dự báo sẽ đạt khoảng 7,23 triệu tấn, tăng khoảng 1,35 triệu tấn so với năm 2020. Nguyên nhân chính là do diện tích sản xuất năm nay có xu hướng tăng hơn so với năm ngoái. Mức nhập khẩu gạo năm 2021 của Hoa Kỳ dự báo đạt 1,2 nghìn tấn, giảm khoảng 0,01 nghìn tấn so với năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 02/2021, Việt Nam xuất khẩu được 1,33 nghìn tấn gạo, trị giá 1,10 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, giảm 26,0% về khối lượng và 18,9% về giá trị so với tháng 01/2021; giảm 4,6% về khối lượng nhưng tăng 28,9% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 2 tháng đầu năm 2021 đạt 3,13 nghìn tấn, trị giá 2,47 triệu USD, tăng 27,6% về khối lượng và 56,9% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ

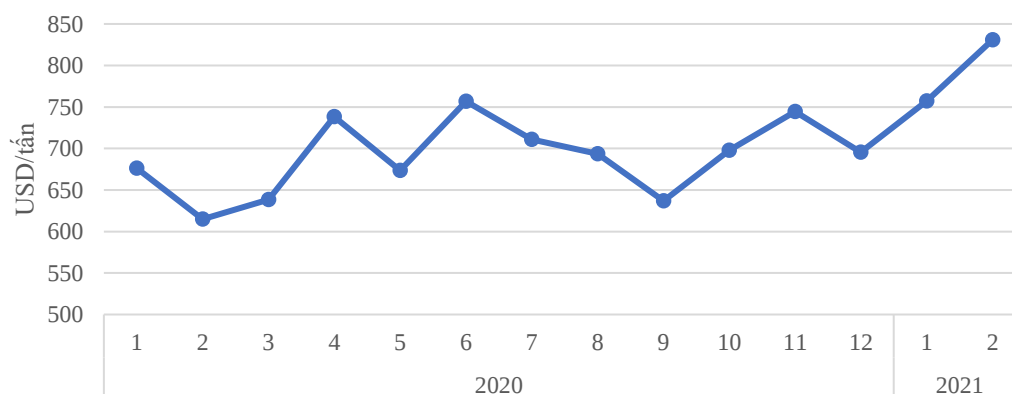


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,16 nghìn tấn, trị giá 0,97 triệu USD (chiếm 87,0% về khối lượng và 88,0% về giá trị); so với tháng 02/2020, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 166,0% về khối lượng và 219,3% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo trắng đạt 0,13 nghìn tấn, trị giá 0,08 triệu USD (chiếm 10,0% về khối lượng và 6,8% về giá trị); so với tháng 02/2020, xuất khẩu gạo trắng sang Hoa Kỳ đã giảm 82,0% về khối lượng và 77,6% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 02/2021 đạt 830,8 USD/tấn, tăng 9,7% so với tháng 01/2021 và 35,1% so với cùng kỳ năm 2020.

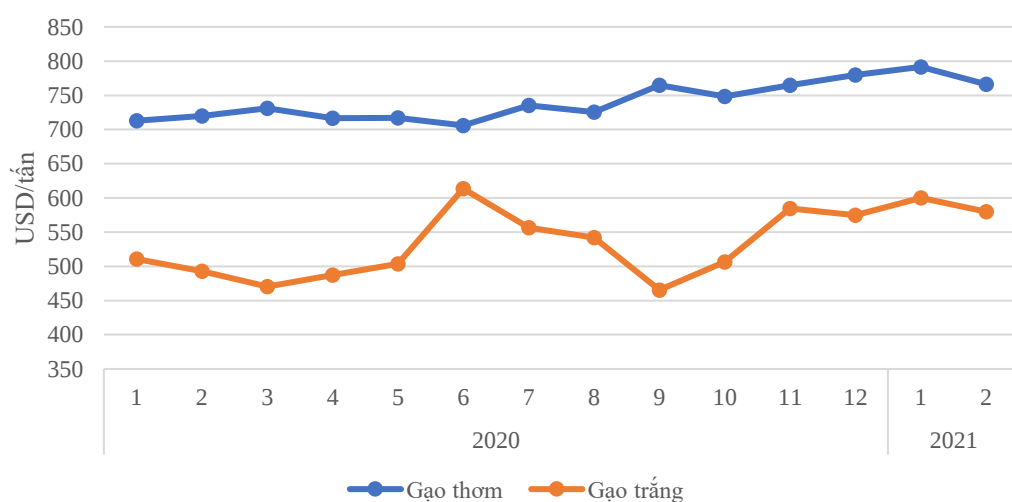
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đều có xu hướng giảm xuống trong tháng. Cụ thể, giá xuất khẩu gạo thơm tháng 02/2021 đạt trung bình 766,1 USD/tấn, giảm 3,2% so với tháng 01/2021 nhưng tăng 6,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Còn giá gạo trắng đạt 580,0 USD/tấn, giảm 3,3% so với tháng trước nhưng tăng 17,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

Trong tháng 02/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty CP Phước Đạt, Công ty CP Soharice và Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Highland Dragon. Ba công ty này chiếm lần lượt 68,7%, 8,0% và 7,5% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 02/2021. So với cùng kỳ năm 2020, Công ty CP Phước

Đạt không xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 02/2020 nhưng có xuất khẩu trong tháng 02/2021, còn Công ty CP Soharice và Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Highland Dragon giảm lần lượt 43,9% và 22,8%.

2. RAU QUẢ

Theo một báo cáo đánh giá được công bố từ Dịch vụ Mở rộng Nông nghiệp A&M Texas (Texas A&M AgriLife Extension Service), thời tiết cực lạnh đã gây ra thiệt hại nông nghiệp ít nhất 600 triệu USD ở Texas. Các khoản thiệt hại nghiêm trọng nhất là cây có mùi bị thiệt hại ít nhất 230 triệu USD, chăn nuôi gia súc bị thiệt hại ít nhất 228 triệu USD và cây rau màu bị thiệt hại ít nhất 150 triệu USD. Tuy nhiên, mức thiệt hại nông nghiệp 600 triệu USD chỉ là mức đánh giá thấp nhất do cơ quan này đưa ra, và dự kiến thời tiết cực lạnh sẽ ảnh hưởng lâu dài hơn đến nông nghiệp Texas.

Ngành công nghiệp cam quýt là ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ thời tiết quá lạnh. Người trồng ở Thung lũng Rio Grande đã mất gần như toàn bộ số cam Valencia và hơn 60% số lượng nho của họ. Kết quả đánh giá bao gồm những thiệt hại do giảm vụ mùa trong năm tới, nhưng không bao gồm chi phí thay thế các nhà máy đông lạnh. Nếu người trồng chọn trồng lại, cây mới sẽ phải đợi ít nhất 3-5 năm trước khi chúng bắt đầu kết trái. Về giá cả thị trường, giá cam có thể không biến động lớn do nguồn cung lớn ở Florida và California. Ngoài cam quýt, ngành dưa hấu ở Texas cũng bị thiệt hại ít nhất 20 triệu USD.

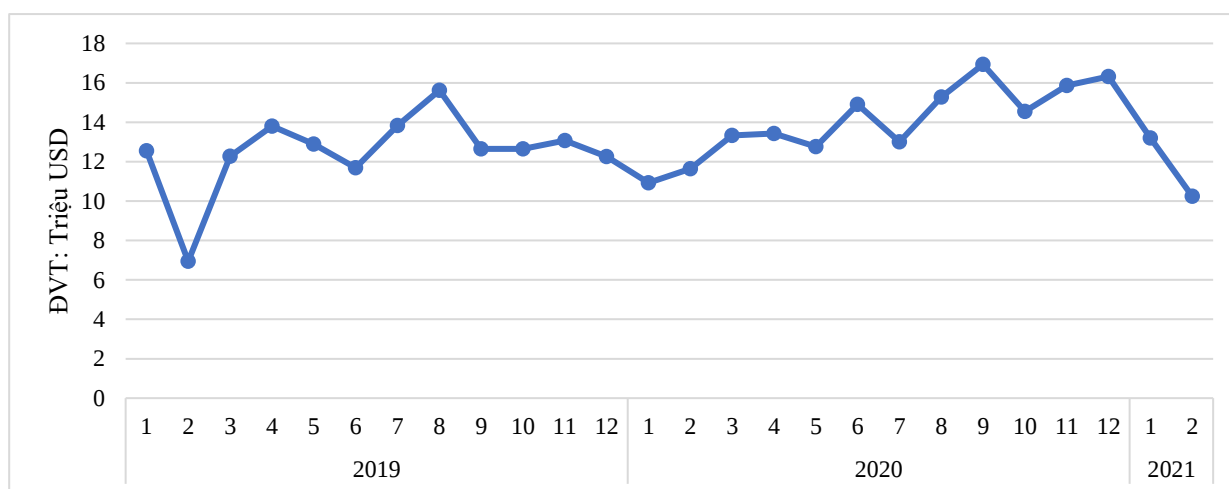
Ngoài cây ăn trái, những người trồng rau ở Thung lũng Grand của Texas và các khu vực phía nam khác cũng bị thiệt hại nặng nề. Bị thiệt hại nghiêm trọng nhất là hành tây, sau đó là các loại rau lá xanh như bắp cải, rau bina, cải xoăn và cần tây. Trong đó, hành tây lỗ hơn 42 triệu USD, rau lá xanh mất hơn 27 triệu USD và bắp cải mất hơn 15 triệu USD. Ngoài ra, do phần lớn mía ở khu vực phía Nam đã được thu hoạch và cây mì vẫn nằm im, nên dự kiến mức thiệt hại không nhỏ. Tổn thất về cây lương thực chủ yếu bao gồm các loại cây thức ăn gia súc như yến mạch, lúa mạch đen và năm tritcale.

Sản lượng chanh Hoa Kỳ năm 2020/21 dự báo giảm 6% xuống còn 940.000 tấn do sản lượng của California giảm. Trong khi đó, tiêu thụ dự báo sẽ tăng, nên Hoa Kỳ sẽ phải tăng cường nhập khẩu chanh. Hoa Kỳ nhập khẩu chanh từ rất nhiều nguồn: Mexico, Colombia, Peru, Guatemala (chanh xanh) và Chile, Argentina và cả Mexico (chanh vàng). Mexico là thị trường cung cấp nhiều chanh nhất cho Hoa Kỳ. Theo đó, nhập khẩu chanh từ Mexico nhiều nhất vào khoảng tháng 5-6, kéo dài đến tháng 9. Trong nước, Bang California góp 99% sản lượng chanh của Hoa Kỳ. Bang này cũng là nơi cung cấp nhiều chanh nhất cho

thị trường nội địa, chiếm 86% thị trường. Thị phần còn lại do các nước Mexico, Chile và Argentina cung cấp. California thu hoạch chanh quanh năm.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2 năm 2021 đạt 10,2 triệu USD, chiếm 4,0% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 22,3% so với tháng trước (đạt 13,2 triệu USD) và giảm 12,0% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 11,6 triệu USD). Tính chung hai tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hoa Kỳ đạt 23,4 triệu USD, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 22,6 triệu USD).

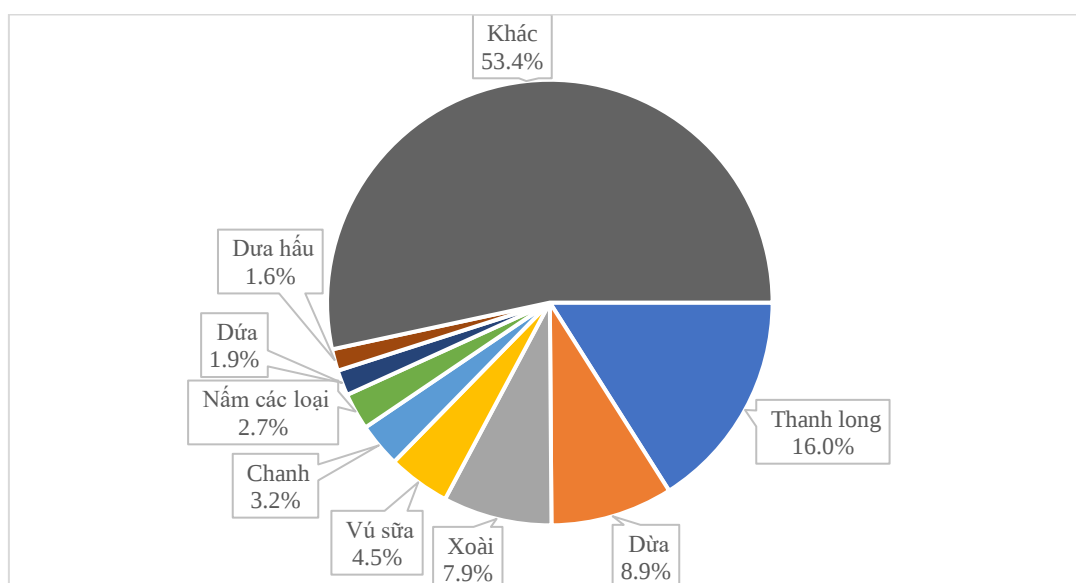
Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 2 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 5,4 triệu USD (chiếm 52,8% thị phần, giảm 21,5% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 4,8 triệu USD (chiếm 47,2% thị phần, tăng 1,7%), trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 1,7 triệu USD (tăng 20,1% so với cùng kỳ năm trước); (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 1,4 triệu USD (tăng 15,3%); (iii) trái cây ngâm, cô đặc, mứt, dẻo (mã HS.2007) đạt 637,9 nghìn USD (cao gấp 25 lần); (iv) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 523,2 nghìn USD (giảm 58,7%); ...

Trong tháng 2 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm thanh long đạt 1,6 triệu USD (chiếm 16,0% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 42,0% so với cùng kỳ năm 2020); dưa đạt 909,6 nghìn USD (chiếm 8,9%, tăng 18,2%); xoài đạt 810,7 nghìn USD (chiếm 7,9%, giảm 2,1%); vú sữa đạt 463,8 nghìn USD (chiếm 4,5%, tăng 95,8%); chanh đạt 328,4 nghìn USD (chiếm 3,2%, giảm 8,2%); ...

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2 năm 2021

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 2 năm 2021 đạt 18,7 triệu USD, chiếm 19,6% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 37,3% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 29,8 triệu USD). Tính chung hai tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hoa Kỳ đạt 56,2 triệu USD, giảm 7,0% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 60,4 triệu USD). Trong tháng 2/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là táo đạt 6,5 triệu USD (chiếm 34,9%, tăng 93,3% so với cùng kỳ năm 2020); hạnh nhân đạt 3,6 triệu USD (chiếm 19,3%, giảm 55,1%); hạt dẻ đạt 3 triệu USD (chiếm 15,9%, giảm 75,2%); khoai tây đạt 2 triệu USD (chiếm 10,5%, tăng 18,5%); ...

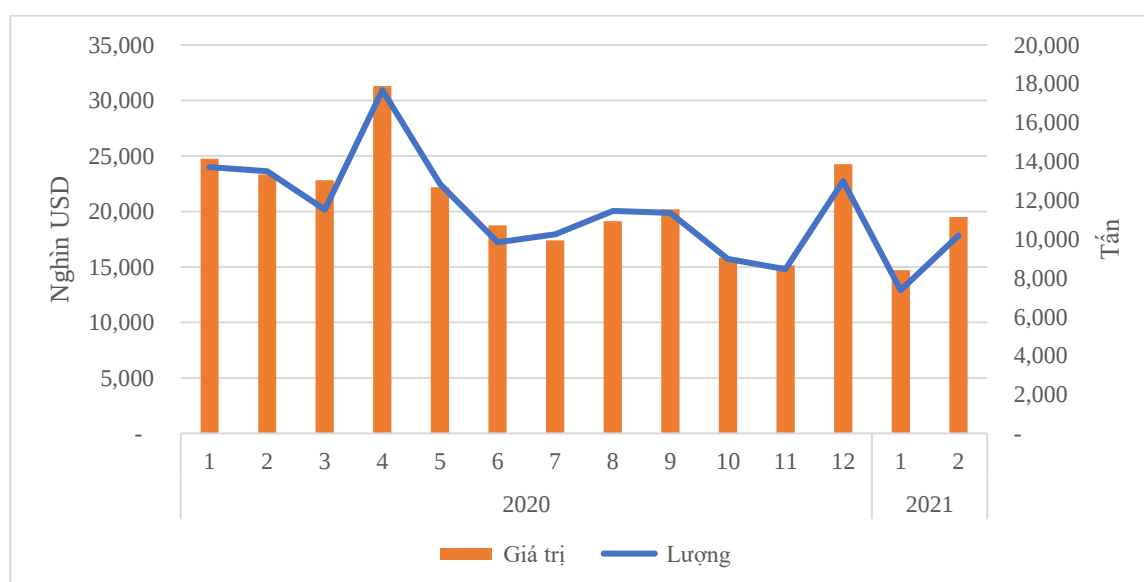
Trong tháng 2/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II, Công ty TNHH Thương mại Vian H&T và Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 15,0%; 9,2% và 7,9%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty TNHH Thương mại Vian H&T tăng 31,6%. Trong khi Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II và Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam không xuất khẩu trong tháng 2/2020 nhưng đã đẩy mạnh được xuất khẩu trong tháng 2/2021.

3. CÀ PHÊ

Hoa Kỳ là quốc gia nhập khẩu cà phê xuất khẩu cà phê lớn thứ 3 của Việt Nam, chiếm khoảng 10,95 % tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang các nước (thị phần nhập khẩu tăng 3% so với tháng 1/2021)

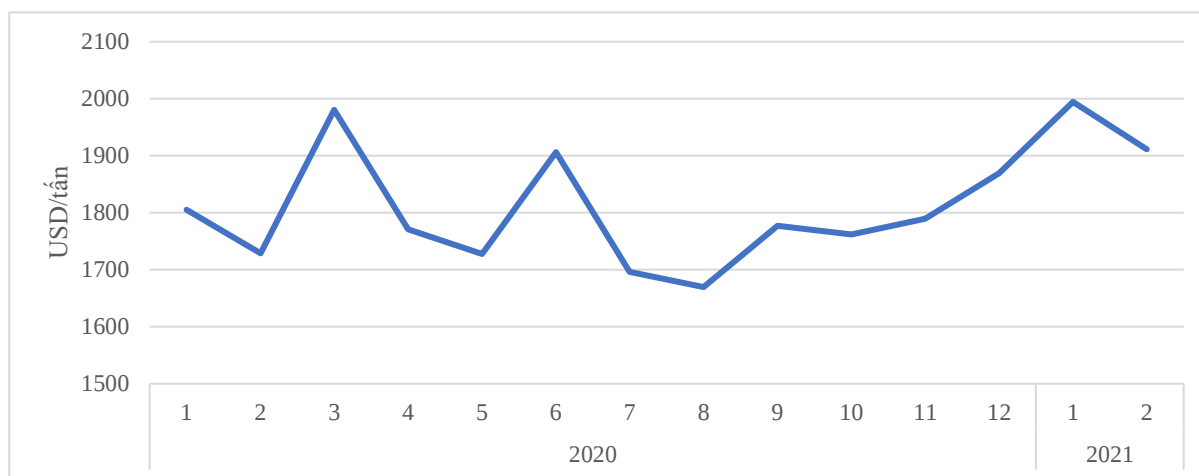
Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 2/2021 tăng mạnh so với tháng 1/2020. Trong tháng 01/2021, Việt Nam xuất khẩu 10,1 nghìn tấn cà phê sang Hoa Kỳ, giá trị 19,4 triệu USD, tăng 38,2% về khối lượng và tăng 32,45% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 1/2021, xuất khẩu giảm 43.2% về khối lượng và giảm 39,3% về giá trị.

Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

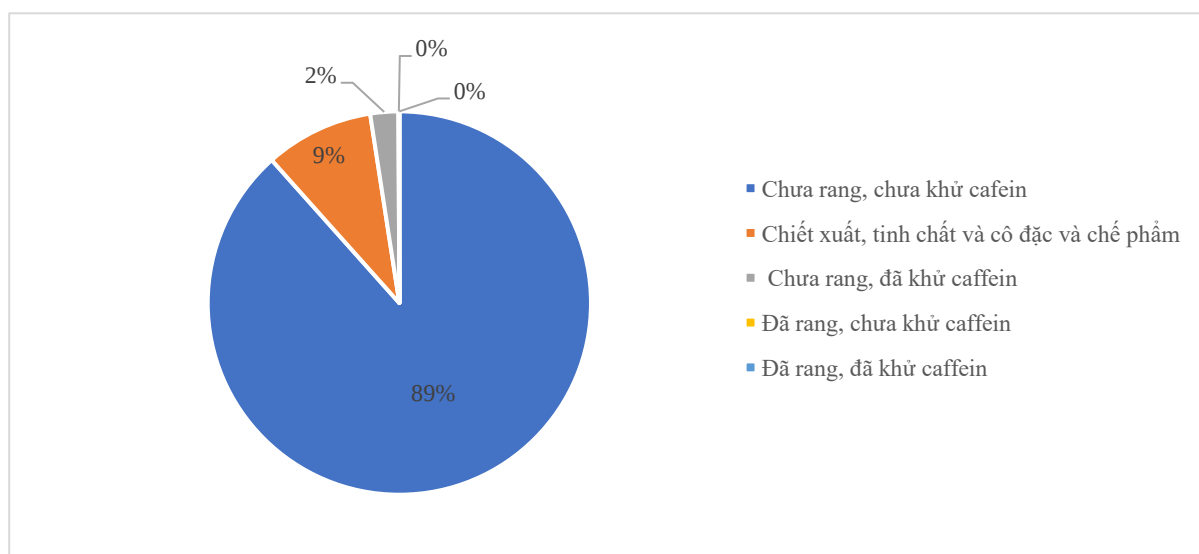
Tháng 2/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ là 1.911 USD/tấn, giảm 4,16% so với tháng 1/2021 do nguồn cung dồi dào mặc dù chi phí vận tải đường biển bằng container trên toàn cầu vẫn tăng. Dự báo giá cà phê sẽ tăng khi nhu cầu tiêu dùng tại nhà vẫn còn rất lớn và có thể còn kéo dài trong thời gian tới.

Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 91,75%, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 8,25%, so với cùng kỳ năm 2020 tỷ trọng cà phê chế biến đã tăng 1,8%, cụ thể:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein tháng 02/2021 chiếm tỷ trọng 88,5%, giá trị 17,2 triệu USD, giảm 11,8% so cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 441 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 2,27%, tăng 138%. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê chiếm 4,08%, giảm 35,5% so với cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc chiếm 4,7% tăng 197% so cùng kỳ.

Hình 8. Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ tháng 02/2021

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Cát Quế, Công ty CP TM cà phê Quang Minh và Công ty cổ phần Intinmex Mỹ Phước với thị phần lần lượt là: 21,69%; 12% và 9,12%.

Theo báo cáo Xu hướng Dữ liệu Cà phê Quốc gia (NCDT) của Hiệp hội Cà phê Quốc gia Hoa Kỳ, thói quen tiêu thụ cà phê của hầu hết người Mỹ đã bị thay đổi bởi đại dịch COVID-19. Khảo sát được thực hiện trên 1.500 người từ 13 tuổi trở lên tại thời điểm tháng 1 năm 2021, khi đại dịch đang bùng phát. Nhìn chung, mức tiêu thụ cà phê trong ngày và tổng lượng tiêu thụ cà phê tương đối ổn định. 58% người Mỹ cho biết họ đã uống cà phê trong ngày qua. Con số này chỉ giảm 2% so với tháng 1 năm 2020 và 4% so với năm 2019, mặc dù nó cao hơn một điểm so với mức năm 2017. Mức tiêu thụ bình quân đầu người giữ ở mức ổn định với tổng số khoảng hai cốc mỗi ngày và ba cốc mỗi ngày cho mỗi người uống cà phê. Điều đó có nghĩa là người Mỹ uống trung bình 646 triệu tách cà phê mỗi ngày.

Về nơi tiêu thụ: 85% người uống cà phê cho biết họ có ít nhất một tách cà phê ở nhà. Con số này tăng 8% kể từ tháng 1 năm ngoái và 10% kể từ năm 2017; 23% người uống cà phê đã mua một loại máy pha cà phê mới trong năm; Đặt hàng cà phê qua đường đã tăng 30%; Đặt hàng dựa trên ứng dụng tăng 30%; Lượng tiêu thụ cà phê ngày trước trong tháng 1 đã giảm mạnh ở các địa điểm khác, bao gồm: Quán cà phê: -33%; Nơi làm việc: -55%; Nhà hàng đầy đủ dịch vụ: -50%; Nhà hàng phục vụ nhanh: -33%; Cửa hàng tiện lợi và trạm xăng: -20%

Thói quen tiêu dùng đã bị phá vỡ trong và ngoài gia đình, 41% số người cho biết đã thử một loại thức uống cà phê mới trong đại dịch; 25% mua các loại cà phê mới để pha; và 27% đã cố gắng tái tạo quán cà phê yêu thích của họ tại nhà.

Trong số những người uống cà phê tại nhà, các phương pháp pha cà phê hàng đầu là: Máy pha cà phê nhỏ giọt: 42%; Hệ thống cốc đơn: 24%; Pha lạnh: 10%; Uống ngay lập tức: 8% Đồ uống sẵn (RTD): 8%

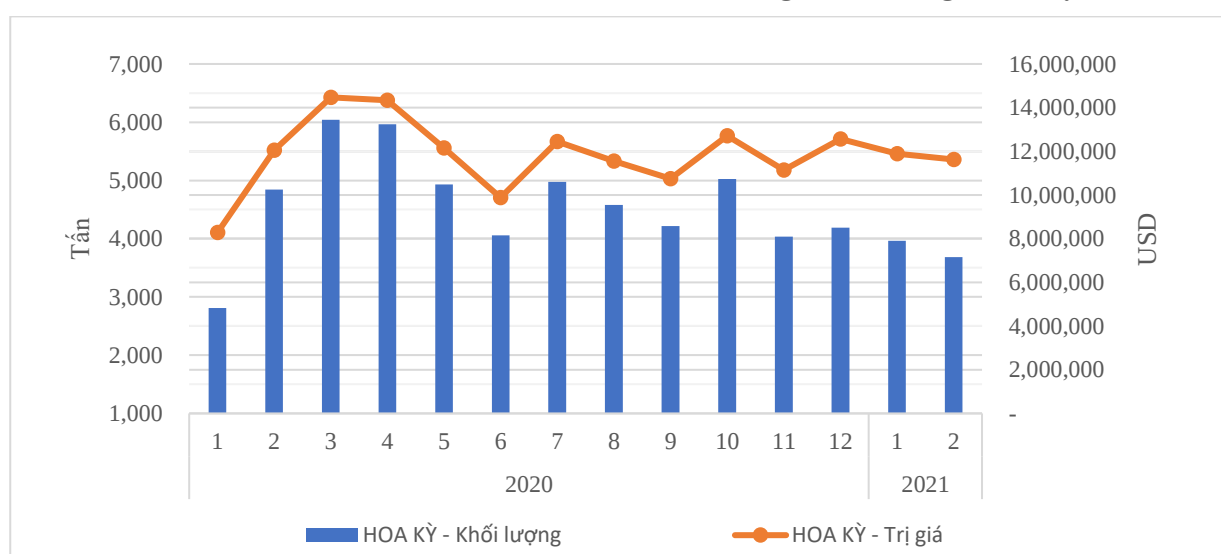
Mới đây Bộ Lao động Hoa Kỳ đã trao khoản tài trợ trị giá 5 triệu USD cho một dự án thiết kế để giảm lao động trẻ em và cải thiện bình đẳng giới trong lĩnh vực cà phê của Ethiopia. Cụ thể, khoản tài trợ này là một phần của dự án She Thrives kéo dài 50 tháng do Cục Lao động Quốc tế Hoa Kỳ (ILAB) tài trợ, tập trung vào công việc tăng cường ngành cà phê ở Ethiopia thông qua cách tiếp cận tập trung vào giới. dự án sẽ cung cấp dịch vụ trực tiếp cho 10.300 người ở 10 quận trong vùng địa lý của Gedeo và Oromia, nơi sản xuất phần lớn cà phê Ethiopia. Theo số liệu thống kê của Cục, phụ nữ và trẻ em gái ở những vùng này xử lý khối lượng lao động cà phê lớn, xấp xỉ 70% - so với các ngành nông nghiệp khác ở Ethiopia.

4. HỒ TIÊU

Cục Xuất nhập khẩu cho biết theo thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, nhập khẩu hạt tiêu của nước này trong năm 2020 đạt 86,5 nghìn tấn, trị giá 249,72 triệu USD, tăng 2,6% về lượng, nhưng giảm 4,3% về trị giá so với năm 2019. Năm 2020, giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Mỹ đạt mức 2.885 USD/tấn, giảm 6,8% so với năm 2019. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Mỹ giảm ở nhiều thị trường cung cấp chính, nhưng tăng mạnh từ Ecuador và Nam Phi, mức tăng lần lượt 39,7% và 27,5%. Năm 2020, Mỹ tăng nhập khẩu hạt tiêu ở nhiều thị trường cung cấp chính, như: Việt Nam, Brazil, Indonesia, nhưng giảm mạnh nhập khẩu từ Ấn Độ, Ecuador, Trung Quốc.

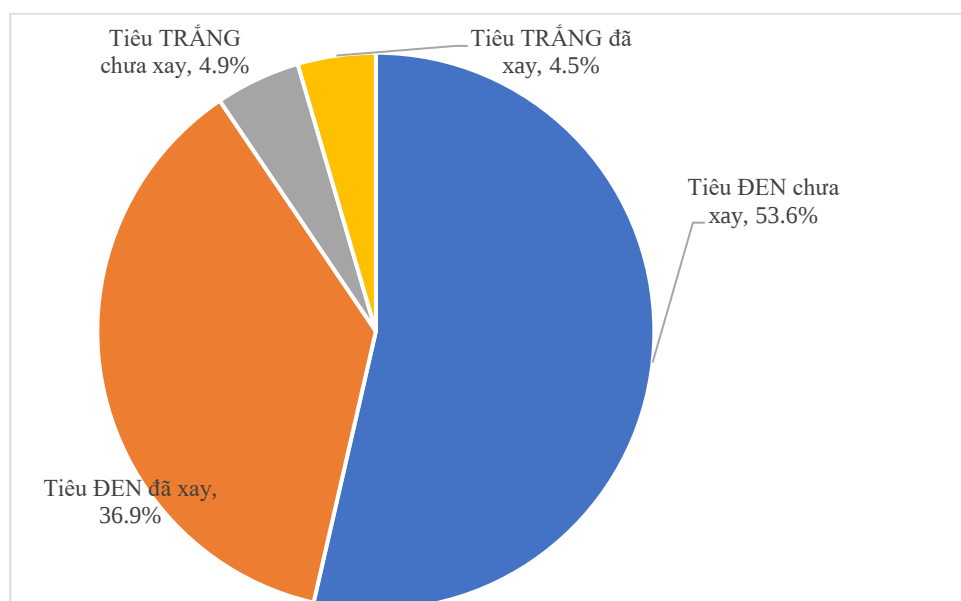
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2021, Việt Nam xuất khẩu được 3.686 tấn hồ tiêu với trị giá 11,63 triệu USD, tăng 3,18% về khối lượng và 4,98% về giá trị so với tháng 1/2021. So với cùng kỳ năm 2020, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này tăng 12,36% về khối lượng và 26,77% về giá trị.

Hình 9. Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ



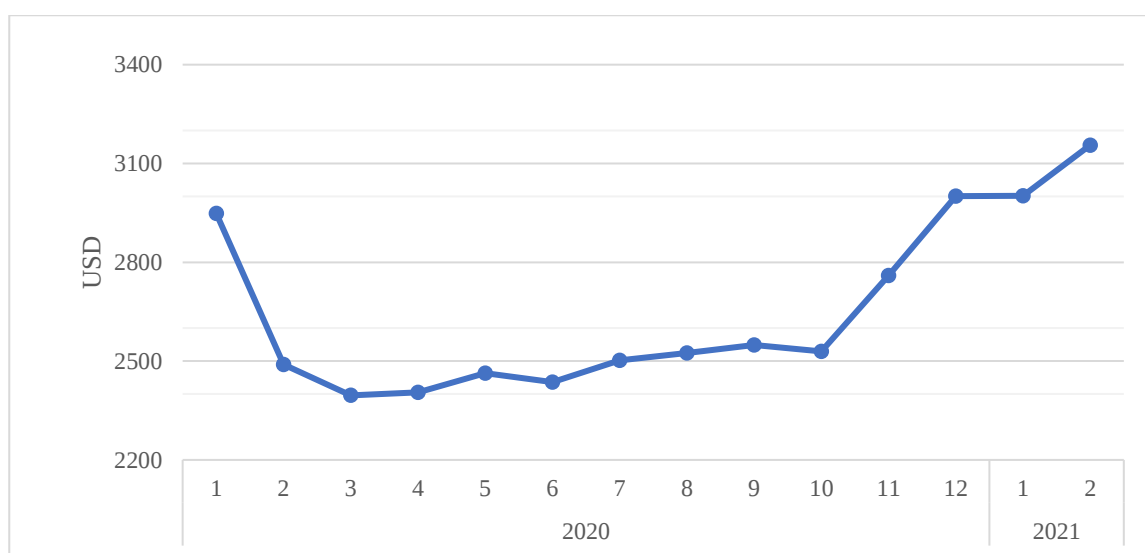
Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Trong tháng 2/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính xuất khẩu sang thị trường này chiếm 53,59% tổng giá trị xuất khẩu, đạt 0,86 triệu USD, giảm 7,82% so với cùng kỳ năm trước; Tiêu trắng chưa xay chiếm 4,95%, đạt 0,08 triệu USD, giảm 19,01%; Tiêu trắng đã xay chiếm 4,53%, đạt 0,07 triệu USD, giảm 0,61%; Tiêu đen đã xay, chiếm 36,93%, đạt 0,60 triệu USD, tăng 28,22%.

Hình 10: Cơ cấu sản phẩm xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2/2021

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2/2021 có xu hướng tăng so với tháng trước. Cụ thể, giá xuất khẩu tiêu bình quân sang thị trường này đạt 3.156 USD/tấn, tăng 26,77% so với cùng kỳ năm 2020 và tăng 5,12% so với tháng trước.

Hình 11. Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

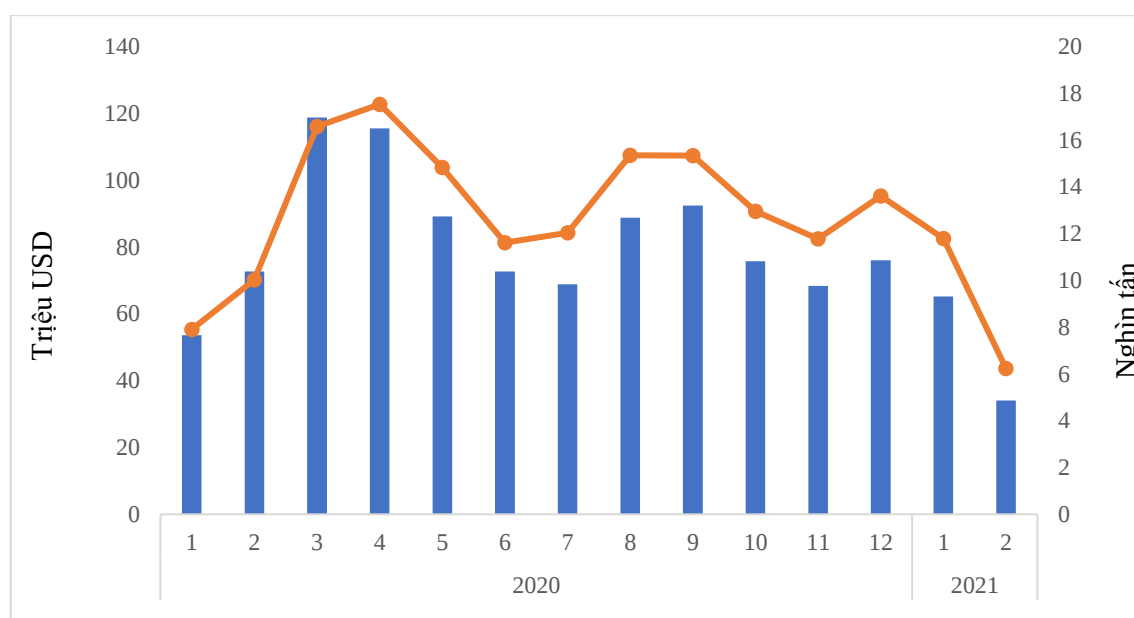
Trong tháng 2/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH hương gia vị Sơn Trà chiếm 19,27% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị

trường này; Công ty cổ phần Liên Thành chiếm 16,56% và Công ty TNHH chế biến gia vị NEDSPICE Việt Nam chiếm 14,69%.

5. HẠT ĐIỀU

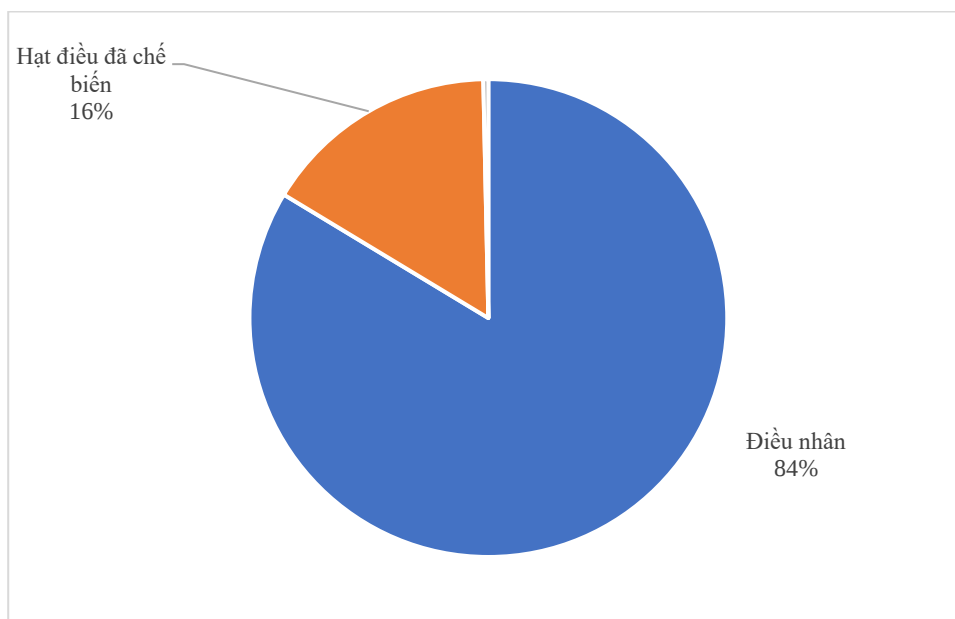
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 6,23 nghìn tấn, trị giá 34,01 triệu USD, giảm 47,2% về khối lượng và 47,8% về giá trị so với tháng 1/2021, và giảm 37,9% về khối lượng và tăng 53,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ



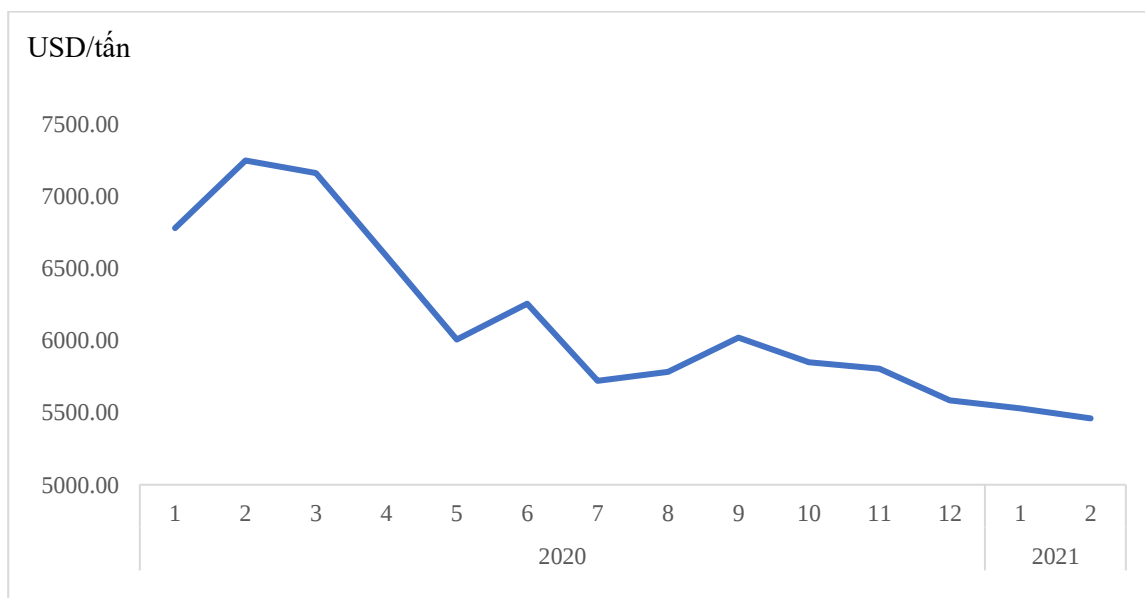
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất của xuất khẩu điều Việt Nam trong tháng 2/2021, chiếm 32,4% tổng khối lượng và 30,5 % về tổng giá trị. Sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này bao gồm các sản phẩm như điều nhân, điều đã chế biến. Trong đó, điều nhân vẫn là sản phẩm xuất khẩu chủ yếu, chiếm tới 83,6%, đạt 28,35 triệu USD, hạt điều đã chế biến đạt 5,43 triệu USD, chiếm 5,43%.

Hình 13: Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2/2021

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ vẫn tiếp tục có xu hướng giảm trong tháng này. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 2/2021 đạt 5460,5 USD/tấn, giảm 1,3% so với tháng 1/2021, và giảm 24,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 14: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ

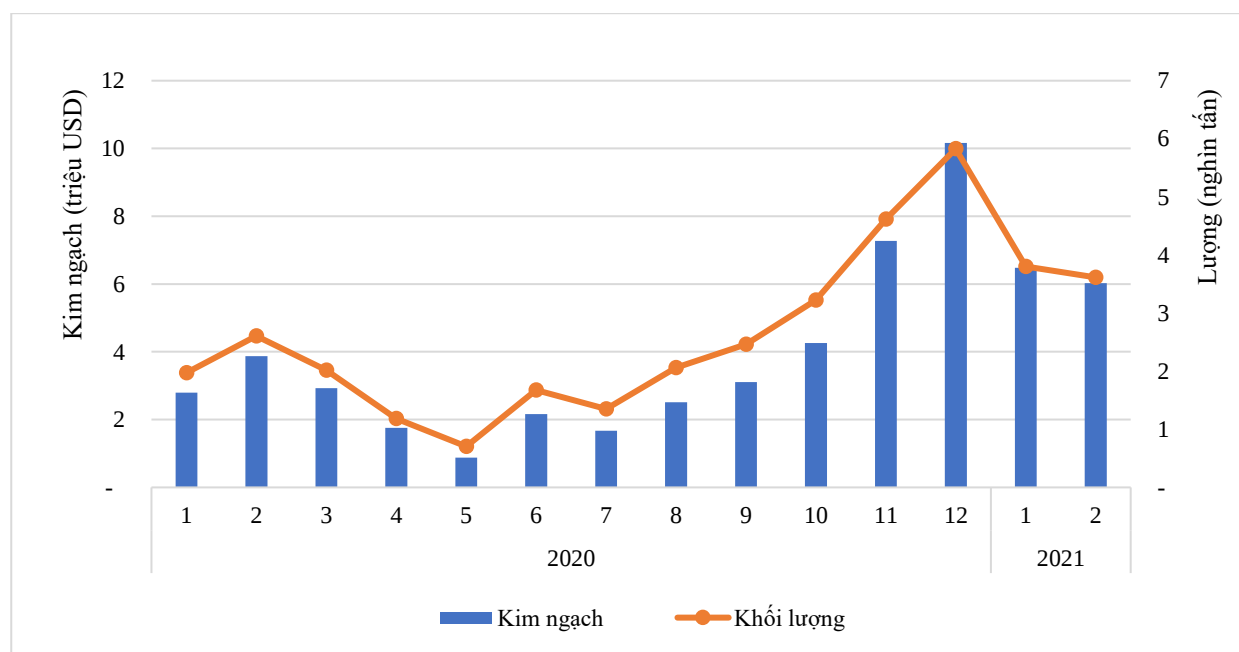
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 2/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH OLAM Việt Nam chiếm 18,9% tổng giá trị điều xuất khẩu sang thị trường này; Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông sản Minh chiếm 6,1% và Công ty cổ phần Hoàng Sơn I chiếm 5,1%

6. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 02/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 3,6 nghìn tấn với trị giá 6,0 triệu USD, giảm 4,9% về khối lượng và 7,0% về giá trị so với tháng trước, tuy nhiên tăng 38,5% về khối lượng và 55,6% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

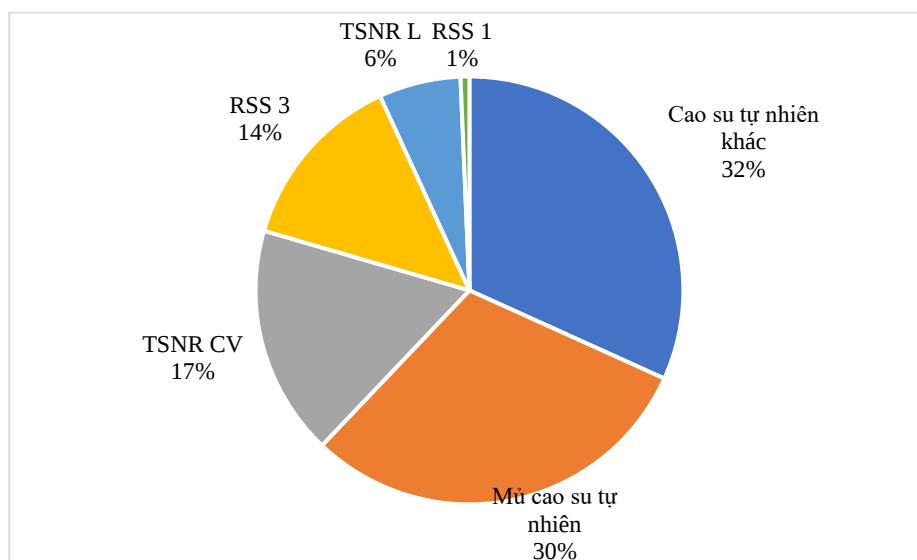
Hình 15: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2021, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 1,8 triệu USD, chiếm 30,3% tổng giá trị xuất khẩu. Thứ hai là cao su tự nhiên đã định chuẩn về kỹ thuật TSNR CV với kim ngạch 1,1 triệu USD, chiếm 17,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là tấm cao su xông khói RSS 3 và TSNR L, chiếm lần lượt 13,6% và 6,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

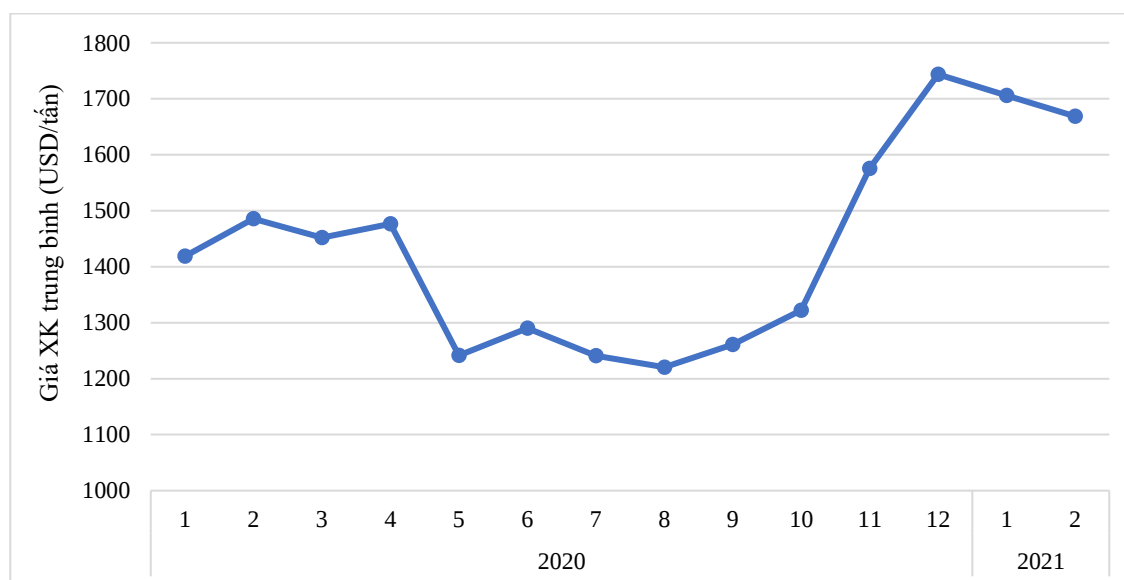
Hình 16: Cơ cấu các sản phẩm cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 02/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tiếp tục giảm nhẹ trong tháng 02/2021 đạt mức 1.669 USD/tấn, giảm 2,2% so với tháng trước, nhưng tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 17: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 01/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hoa Sen Vàng, và

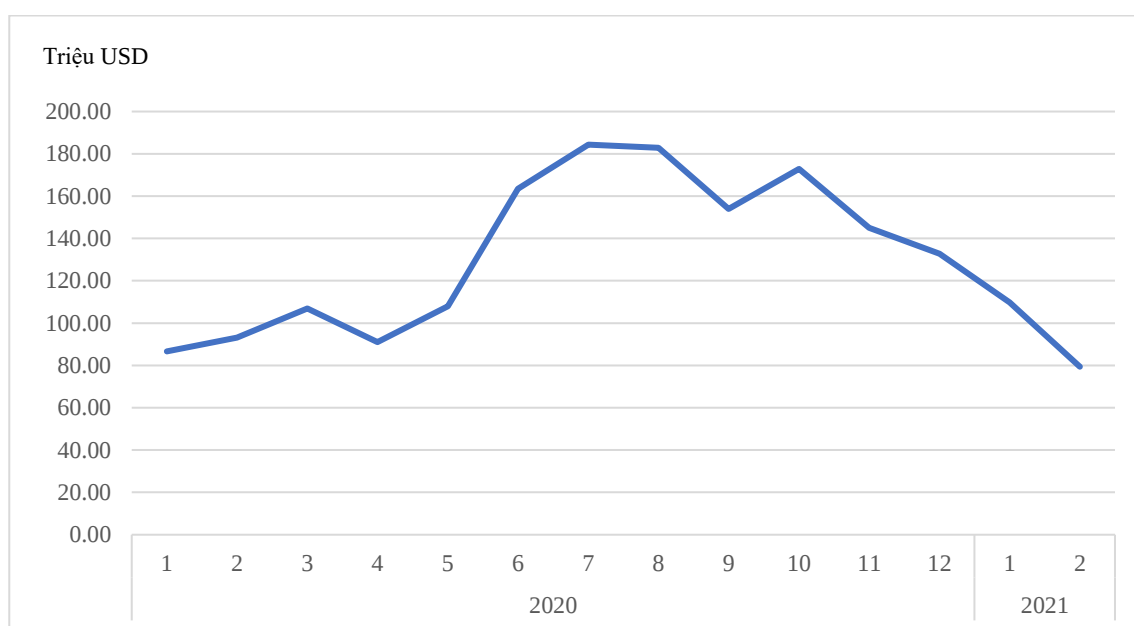
Công ty TNHH Mai Thảo. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 25,3%, 9,6% và 8,2% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 02/2021.

7. THỦY SẢN

Theo báo cáo của FDA, chỉ trong tháng 2/2021, họ đã từ chối 50 lô thủy sản nhập khẩu thủy sản, trong đó có 14 lô (28%) là tôm và vì có dư lượng thuốc thú y kháng sinh bị cấm. Theo SSA, trong tháng 1/2021, FDA đã từ chối 13 lô tôm nhập khẩu vì có chứa kháng sinh bị cấm. Các lô hàng bị chặn lại vào tháng 2 đều do quyết định của FDA ở bờ biển phía tây nước Mỹ. Trong đó có 2 công ty xuất khẩu của Bangladesh, 1 công ty Việt Nam và 1 công ty Ấn Độ.

Theo Cơ quan khí quyển và đại dương Quốc gia (NOAA), Trong tháng 1/2021, Mỹ đã nhập khẩu 69.653 tấn tôm trị giá 601,6 triệu USD, tăng 7% về lượng và tăng 6% về giá trị so với tháng 1/2020. Giá nhập khẩu trung bình của Mỹ ở mức 8,64 USD/kg, giảm 1% so với mức 8,69 USD/kg vào tháng 1/2020 và giảm 3% so với mức 8,89 USD/kg vào tháng 12/2020. Đầu năm mới dường như có sự tiếp nối của xu hướng tăng trong hầu hết năm 2020. Mặc dù đại dịch coronavirus ảnh hưởng nặng nề đến các nhà hàng, khối lượng và giá trị nhập khẩu tôm của Mỹ vẫn cao hơn so với cùng kỳ năm 2019. Chính vì vậy, cơ quan này dự báo khối lượng nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ tiếp tục tăng trong năm 2021 này.

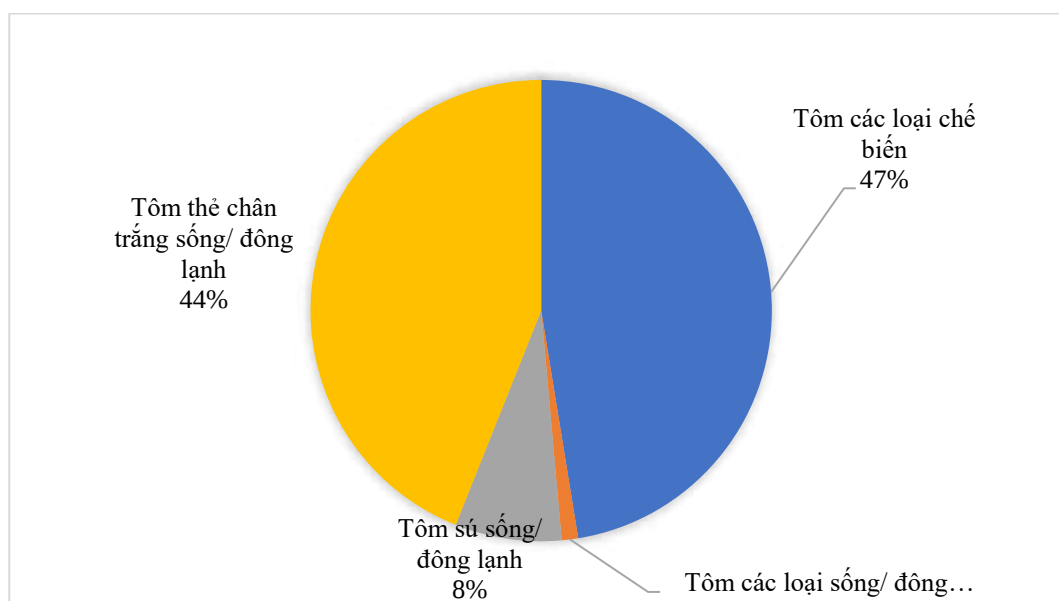
Hoa Kỳ vươn lên là thị trường tiêu thụ thủy sản của Việt Nam trong tháng 2/2021. Theo tổng cục hải quan, giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 79,40 triệu USD, chiếm 36,5% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam, giảm 14,7% so với cùng kỳ năm 2021. Bên cạnh đó, xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tiếp tục xu hướng giảm trong 5 tháng gần đây, so với tháng 1/2021 giá trị xuất khẩu giảm tới 27,7%. Tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này chiếm 22,2%, cá ngừ chiếm 21,8% và cá da trơn chiếm 20,1%.

Hình 18: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Mỹ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Mặt hàng cá da trơn, giá trị xuất khẩu tháng 2 năm 2021 đạt 15,93 triệu USD, giảm 22,8% so với cùng kỳ năm trước và 45,2% so với tháng 1/2021. Cá da trơn xuất khẩu sang thị trường này phần lớn là cá tra chiếm tới 99,9%. Cụ thể, cá tra phi lê đạt 28,70 triệu USD, chiếm hơn 99%. Cụ thể, Cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,46 triệu USD, chiếm 2,9%, tăng 664,2% so với cùng kỳ năm trước; Cá phi lê đạt 15,47 triệu USD, chiếm 97,1%, giảm 24,5%.

Mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tháng 2 năm 2021 đạt 17,64 triệu USD, giảm 25,2% so với cùng kỳ năm trước và giảm 35,2% so với tháng 1/2021. Trong đó, tôm các loại chế biến đạt 8,37 triệu USD, chiếm 47,4% tổng giá trị tôm xuất khẩu, giảm 22,8% so với tháng 1/2021. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 7,75 triệu USD, chiếm 44%, giảm 10,1%; Tôm sú sống/đông lạnh đạt 1,32 triệu USD, chiếm 7,5%, giảm 66,3%; tôm các loại khác sống/đông lạnh đạt 0,20 triệu, chiếm 1,1%, giảm 10,1%.

Hình 19: Cơ cấu xuất khẩu cá ngừ sang thị trường Mỹ tháng 2/2021

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa kỳ như sau: Cá ngừ đạt 17,34 triệu USD, giảm 17,2%; Cá rô phi đạt 0,07 triệu USD, giảm 26,4%; Mực và bạch tuộc đạt 0,82 triệu USD, giảm 25,2%; Cua – ghẹ đạt 2,46 triệu USD, giảm 19,3%; Các loại thủy sản khác đạt 25,13 triệu USD, tăng 3,9% so với cùng kỳ 2020.

Giá xuất khẩu cá da trơn tháng 2/2021 đạt trung bình 4,06 USD/kg, giảm 1,1% so với cùng kỳ năm 2020. Cá ngừ đạt 9,26 USD/kg, giảm 15,5%; Tôm đạt 8,85 USD/kg, giảm 23,3%; Mực và bạch tuộc đạt 12,36 USD/kg giảm 19,7%; Cua, ghẹ đạt 17,98 USD/kg, tăng 8,9%.

Bảng 1: Giá một số mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường Mỹ

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	8,54	-1,1%	-2,7%
2	Cá ngừ	9,26	-15,1%	-1,2%
3	Cua, ghẹ	17,98	8,9%	13,7%
4	Mực và bạch tuộc	12,36	-19,7%	-21,9%
5	Tôm	8,85	-23,3%	-4,6%

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

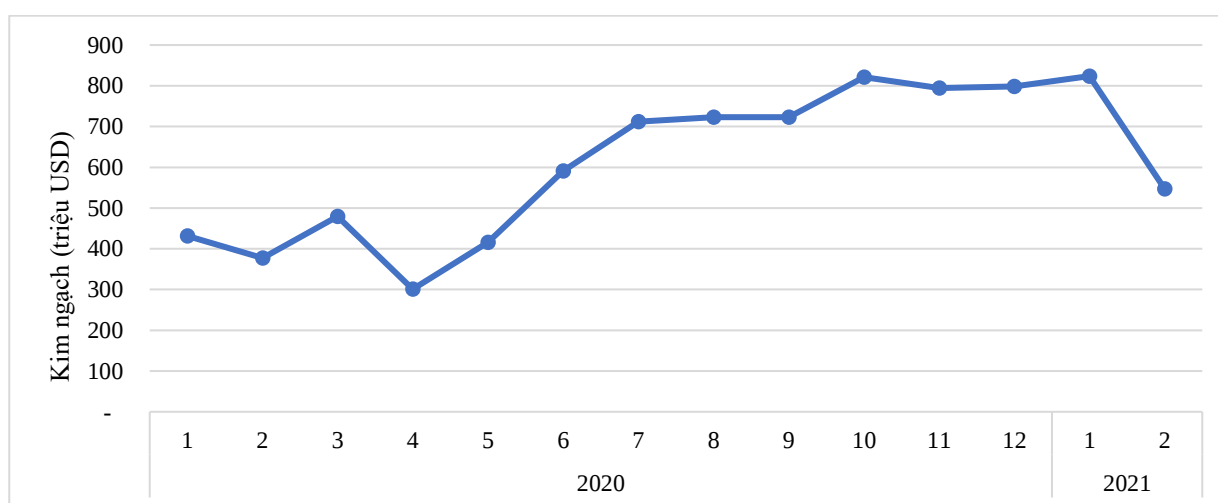
Tháng 2 năm 2021, Top 3 công ty có giá trị xuất khẩu lớn sang thị trường Mỹ là: Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng, chiếm 14,4% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn chiếm 10,2%; Công ty TNHH MARISO Việt Nam chiếm 5,3%.

8. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo ITTO, nhập khẩu đồ gỗ nội thất của Hoa Kỳ trong tháng 01/2021 đã đạt 2,1 tỷ USD và tăng 2% so với tháng trước đó, đây là tháng tăng thứ 8 liên tiếp. Kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam và Canada đã tăng 6% trong khi nhập khẩu từ Indonesia tăng 5% so với tháng trước.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 02/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 547,1 triệu USD, giảm 33,6% so với tháng 01/2021 nhưng tăng mạnh 45,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 20: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ

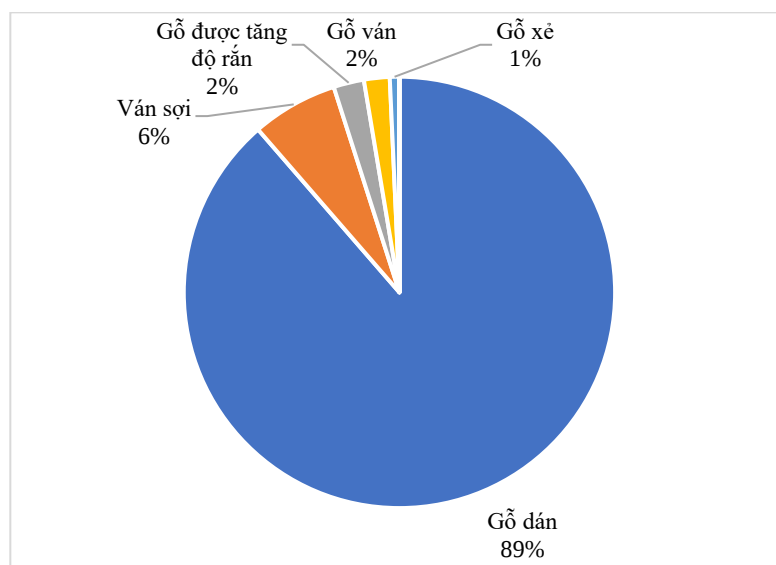


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 19,8 triệu USD, chiếm 88,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 1,4 triệu USD, chiếm 6,5% tổng

giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ được tăng độ rắn và gỗ ván, chiếm lần lượt 2,3% và 1,9% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 21: Cơ cấu các sản phẩm gỗ xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 02/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH MTV Gỗ Khang Đạt, Công ty TNHH JUNMA Phú Thọ, và Công ty TNHH Vật liệu mới Nhuận Phát. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 18,7%, 18,5% và 9,2% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 02/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Trong tháng 3/2020, USDA tuyên bố khởi động Sáng kiến Hỗ trợ Người sản xuất trong thời kỳ Đại dịch (PAP), trong đó có đề cập đến việc hỗ trợ trực tiếp 20 USD/mẫu Anh (tương đương 0,4 ha) cho nông dân trồng lúa. Đây là một sáng kiến được nông dân trồng lúa Hoa Kỳ đánh giá cao do có thể hỗ trợ một phần chi phí đầu vào sản xuất đang có xu hướng gia tăng trong thời gian gần đây. Việc hỗ trợ này cho thấy việc bảo hộ cao hơn của Hoa Kỳ đối với ngành gạo nội địa, do đó, sẽ có thể tác động đến việc tăng cường nhập khẩu gạo từ nước ngoài.

Thực tế do tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp khiến cho tình trạng thiếu hụt container diễn ra nghiêm trọng, ngoài ra vào cuối tháng 3 việc tuyến hàng hải qua kênh đào Suez bị tắc nghẽn do siêu tàu mắc kẹt đã khiến việc vận chuyển hàng từ Châu Á – Châu Mỹ bị gián đoạn, và chi phí vận chuyển tăng lên đáng kể. Kênh đào Suez là một trong ba tuyến đường hàng hải chính thông dụng từ Châu Á sang Châu Mỹ (bên cạnh tuyến qua mũi Hảo Vọng và qua kênh Panama). Mặc dù tuyến đường đã được thông vào cuối tháng, nhưng những ảnh hưởng tiềm ẩn trong tương lai vẫn có thể diễn ra, như việc các nhà nhập khẩu sẽ quan ngại nhập khẩu từ địa điểm xa hơn (chi phí cao hơn nhập từ Ấn Độ và Pakistan) nhưng chất lượng chưa nổi trội (chưa cao hơn hẳn Thái Lan, Campuchia) như từ Việt Nam.

2. Cà phê

Theo dự báo của USDA ra vào tháng 12/2020, tiêu thụ nội địa của Hoa Kỳ niên vụ 2020/2021 vào khoảng 26.587 nghìn bao, tăng 2,14% so với niên vụ 2019/2020, nhập khẩu dự kiến 27.150 nghìn bao, tăng 8,38% so với niên vụ trước. Thị trường xuất khẩu cà phê sang Hoa Kỳ dự báo sẽ cải thiện trong năm 2021. Việc Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) giữ nguyên mức lãi suất cơ bản 0% và lo ngại nợ công của Mỹ tăng cao đã kích thích nhà đầu tư mạnh tay dịch chuyển dòng vốn về lại các sản hàng hóa. Bên cạnh đó, thời tiết giá lạnh khiến nhu cầu tiêu thụ cà phê tại nhà của Mỹ tăng cao. Có nhiều yếu tố thúc đẩy giá cà phê tăng do lượng cung thấp và chi phí vận chuyển tăng cao trong thời gian gần đây.

3. Hồ tiêu

Hoa Kỳ vẫn là thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 của hồ tiêu thế giới (chỉ sau Trung Quốc), trong tháng 2/2021 xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường này chiếm tới 35,69% tổng giá trị tiêu xuất khẩu. Dự báo, xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường này quý I/2021 vẫn giữ được đà tăng trưởng ổn định nhưng chưa có nhiều đột biến do giá tiêu trong nước đang tăng mạnh trong tháng 3 và tình trạng mất cân bằng vỏ container dẫn đến thiếu vỏ container ở nhiều cảng chính và cước biển tăng cao đặc biệt là tuyến đi Mỹ.

4. Cao su

Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) cho biết Hoa Kỳ, nền kinh tế lớn nhất thế giới, tiếp tục tăng trưởng trong tháng 2/2021, mang lại kỳ vọng hồi phục thị trường hàng hóa sau đại dịch COVID-19, trong đó có cao su. Ngoài ra, Hoa Kỳ đã chính thức thông qua gói hỗ trợ, kích thích kinh tế trị giá 1.900 tỷ USD. Đây được xem là cú hích tâm lý cực lớn đối với các thị trường. Đây là một trong những biện pháp kích thích kinh tế lớn nhất lịch sử nước Hoa Kỳ, qua đó cũng thúc đẩy kinh tế toàn cầu. Trong những tháng tới, nhu cầu nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ có thể sẽ có những chuyển biến tích cực.

5. Thủy sản

Theo số liệu thống kê từ NMFS, nhập khẩu thủy sản của Mỹ năm 2020 đạt 2,94 triệu tấn với trị giá 21,89 tỷ USD, tăng 3,2% về lượng và giảm 2,3% về trị giá so với năm 2019. Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 6 cho Mỹ về trị giá, chiếm 6,41% đạt 1,4 tỷ USD, giảm 7% so với năm 2019. Nguyên nhân là do giá các mặt hàng thủy sản Mỹ nhập khẩu từ Việt Nam giảm. Xét về lượng Việt Nam là nhà cung cấp thủy sản lớn thứ 7 cho Mỹ sau Thái Lan, chiếm 7,78% về lượng đạt 228,9 nghìn tấn, tăng 1,8% so với năm 2019. Dự báo, năm 2021, nhập khẩu thủy sản của Mỹ tăng nhẹ về lượng đạt 2,95 triệu tấn với trị giá 22 tỷ USD, tăng 0,2% về lượng và 0,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

6. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Theo báo cáo của Smith Leonard Furniture Insights, thị trường đồ nội ngoại thất dân dụng tiếp tục tăng trưởng, nhưng với tốc độ chậm lại. Số lượng đơn đặt hàng mới có xu hướng tăng chậm từ mức tăng hơn 40% xuống mức tăng 17% trong giai đoạn từ tháng

11/2019 đến tháng 11/2020, trong khi đó số lượng đơn đặt hàng tháng 12/2020 đã tăng 27% so với cùng kỳ năm 2019. Theo đó, trong những tháng tới, dự báo nhu cầu nhập khẩu đồ gỗ nội ngoại thất từ Việt Nam sẽ tăng chậm lại.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 2/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 02/ 2021 (USD)	Tăng /giảm so T1/2020	Tăng /giảm so T2/2020	Tỷ trọng
1	Cà phê	19.482.370	32,45%	-16,47%	1,29%
2	Cao su	6.028.123	-6,99%	55,60%	0,40%
3	Chè	599.970	66,32%	-29,00%	0,04%
4	Gạo	1.104.150	-18,87%	28,92%	0,07%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	547.056.204	-33,60%	45,10%	36,11%
6	Hàng rau quả	10.245.021	-22,35%	-12,05%	0,68%
7	Hàng thủy sản	79.396.214	-27,71%	-14,72%	5,24%
8	Hạt điều	34.007.843	-47,83%	-53,20%	2,24%
9	Hạt tiêu	11.632.118	-2,23%	-3,51%	0,77%
10	Phân bón các loại	22.341.979	-19,73%	45,79%	1,47%
11	Sản phẩm từ cao su	21.393.566	-29,92%	28,64%	1,41%
12	Sắn và các sản phẩm từ sắn	4.253.016	-57,33%	-26,19%	0,28%
13	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	757.540.574	-32,07%	19,65%	50,00%
Tổng XK NLTS		1.515.081.148	-32,07%	19,65%	100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 02/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 02/2020		Tháng 02/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	435	304.422	1.157	972.093	166,0%	219,3%
2	Gạo trắng	737	335.436	133	75.194	-82,0%	-77,6%
3	Gạo đỏ	77	120.133	20	42.702	-73,9%	-64,5%
4	Các loại gạo khác	144	96.438	20	14.161	-86,5%	-85,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 2/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 2/2020 (USD)	Tháng 2/2021 (USD)	So sánh T2.2021/T2.2020
1	Thanh long	2.828.206	1.639.798	-42,0%
2	Dừa	769.593	909.638	18,2%
3	Xoài	828.132	810.698	-2,1%
4	Vú sữa	236.856	463.792	95,8%
5	Chanh	357.645	328.369	-8,2%
6	Nấm các loại	647.148	273.770	-57,7%
7	Dứa	523.345	189.885	-63,7%
8	Dưa hấu	34.610	161.642	367,0%
9	Khác	5.422.565	5.467.430	0,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 2/2021

T	Sản phẩm	Tháng 2/2020 (USD)	Tháng 2/2021 (USD)	So sánh T2.2021/T2.2020
T				0
1	Chưa rang, chưa khử caffein	19.551.673	17.249.391	-11,8%
2	Chưa rang, đã khử caffein	185.251	441.532	138,3%
3	Đã rang, chưa khử caffein	11.657	1.236	-89,4%
4	Đã rang, đã khử caffein	1.230.689	794.344	-35,5%
5	Chiết xuất, tinh chất và cô đặc	2.070.467	178.078	-91,4%
6	Chế phẩm chiết xuất, tinh chất hoặc cô đặc	273.326	812.836	197,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 2/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 2/2020 (USD)	Tháng 2/2021 (USD)	So sánh T2.2021/T2.2020
1	Cá da trơn	20,64	15,93	-22,8%
2	Cá ngừ	20,94	17,34	-17,2%
3	Cá rô phi	0,09	0,07	-26,4%
4	Cua, ghẹ	3,05	2,46	-19,3%
5	Mực và bạch tuộc	0,47	0,82	-25,2%
6	Tôm	23,59	17,64	-25,2%
7	Thủy sản khác	24,32	25,13	3,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan